

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mua sắm hóa chất, sinh phẩm chuẩn đoán invitro phục vụ khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý và sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 14/2022/TT-BYT ngày 06/12/2022 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 10/TTr-SYT ngày 18/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mua sắm hóa chất, sinh phẩm chuẩn đoán invitro phục vụ khám chữa bệnh tại Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang năm 2023 với các nội dung sau:

- Đơn vị mua sắm: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang.
- Danh mục hóa chất, sinh phẩm chuẩn đoán invitro mua sắm: Chi tiết theo biểu đính kèm.

Giá dự toán trong Biểu đính kèm là tối đa. Trước khi tiến hành mua sắm, Đơn vị mua sắm có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định giá của cơ quan có thẩm quyền đối với hóa chất, sinh phẩm mua sắm theo quy định; trong quá trình tổ chức mua sắm, nếu có biến động giảm giá, phải chủ động điều chỉnh cho phù hợp.

3. Phương thức mua sắm: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Nguồn kinh phí: Nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

Điều 2. Bệnh viện Nội tiết tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm tổ chức mua sắm hóa chất, sinh phẩm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Y tế, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bệnh viện Nội tiết và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.Hải.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM MUA SẴM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm mua sắm	Phân nhóm	ĐVT	Số lượng	Giá dự toán có VAT (VNĐ)	Tổng dự toán (VNĐ)
I. HÓA CHẤT PHỤC VỤ XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY IMMULITE 1000						
1	Hóa chất định lượng hormon T3	Nhóm 1	Test	5.000	39.000	195.000.000
2	Hóa chất định lượng thyroxine tự do (FT4)	Nhóm 1	Test	15.000	39.000	585.000.000
3	Hóa chất định lượng hormon TSH	Nhóm 1	Test	15.000	32.910	493.650.000
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-TG Ab	Nhóm 1	Test	300	111.160	33.348.000
5	Hóa chất định lượng Cortisol	Nhóm 1	Test	300	38.860	11.658.000
6	Cơ chất hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Nhóm 3	Test	37.000	7.900	292.300.000
7	Hóa chất rửa trong xét nghiệm miễn dịch (Thành phần: Trikali orthophosphate)	Nhóm 1	ml	1.200	16.500	19.800.000
8	Hóa chất rửa trong xét nghiệm miễn dịch (Thành phần: Dung dịch Natri Hypoclorit)	Nhóm 1	ml	100	11.620	1.162.000
9	Vật liệu kiểm soát 3 mức nồng độ xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Nhóm 1	ml	60	107.000	6.420.000
II. HÓA CHẤT PHỤC VỤ XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY LIAISON XL						
10	Hóa chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Nhóm 3	ml	39.600	2.316	91.713.600
11	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch (10x3,5ml+2 integrated)	Nhóm 3	Hộp	12	3.087.000	37.044.000
12	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch (để kiểm tra tính hợp lệ của hóa chất mỗi phản ứng và hoạt động của bộ phận đo và hút mẫu)	Nhóm 3	ml	24	60.375	1.449.000
13	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Nhóm 1	ml	12.000	830	9.960.000
14	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng FT3, FT4, T3, T4, TSH	Nhóm 1	ml	40	189.693	7.587.720
15	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng FT3, FT4, T3, T4, TSH	Nhóm 1	ml	40	189.693	7.587.720
16	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng FT3, FT4, T3, T4, TSH	Nhóm 1	ml	40	189.693	7.587.720
17	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Nhóm 1	Test	22.000	30.712,50	675.675.000
18	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Nhóm 1	Test	7.500	31.185	233.887.500
19	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Nhóm 1	Test	22.000	30.870	679.140.000
III. HÓA CHẤT PHỤC VỤ XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY MEK7300						
20	Dung dịch rửa máy (Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether)	Nhóm 3	Lít	105	762.000	80.010.000
21	Dung dịch rửa máy (Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit)	Nhóm 3	Lít	35	762.000	26.670.000
22	Dung dịch pha loãng	Nhóm 3	Lít	1.026	144.400	148.154.400
23	Dung dịch phá hồng cầu (Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương)	Nhóm 3	Lít	9,5	5.420.000	51.490.000
24	Dung dịch phá hồng cầu (Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm)	Nhóm 3	Lít	8	12.000.000	96.000.000
25	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thường	Nhóm 3	ml	6	1.236.666	7.419.996
26	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thấp	Nhóm 3	ml	6	1.236.666	7.419.996

STT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm mủ sẫm	Phân nhóm	ĐVT	Số lượng	Giá dự toán có VAT (VNĐ)	Tổng dự toán (VNĐ)
27	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	Nhóm 3	ml	6	1.236.666	7.419.996
28	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để hiệu chuẩn máy	Nhóm 3	ml	4	1.860.000	7.440.000
IV. HÓA CHẤT PHỤC VỤ XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY RAPID CHEM 744						
29	Điện cực xét nghiệm Na	Nhóm 1	Chiếc	1	15.100.000	15.100.000
30	Điện cực xét nghiệm K	Nhóm 1	Chiếc	1	15.100.000	15.100.000
31	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Natri, Kali, Clorid	Nhóm 1	Bộ	5	15.100.000	75.500.000
32	Hóa chất rửa xét nghiệm điện giải	Nhóm 1	ml	250	86.000	21.500.000
33	Điện cực xét nghiệm tham chiếu	Nhóm 1	Chiếc	1	15.100.000	15.100.000
34	Điện cực xét nghiệm Cl	Nhóm 1	Chiếc	1	15.100.000	15.100.000
V. HÓA CHẤT SINH HÓA						
35	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	Nhóm 3	ml	50	36.792	1.839.600
36	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Nhóm 3	ml	3	392.030	1.176.090
37	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Nhóm 3	ml	3	499.800	1.499.400
38	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP/CRP-hs	Nhóm 3	ml	1	323.450	323.450
39	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin	Nhóm 3	ml	45	137.643	6.193.935
40	Chất chuẩn cho xét nghiệm FERRITIN	Nhóm 3	ml	3	106.400	319.200
41	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 1	Nhóm 3	ml	3	730.680	2.192.040
42	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 2	Nhóm 3	ml	3	839.210	2.517.630
43	Dung dịch rửa máy	Nhóm 3	ml	3.500	10.311	36.088.500
VI. SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO						
44	Test nhanh HIV	Nhóm 2	Test	2.000	21.945	43.890.000
45	Test nhanh HCV	Nhóm 2	Test	2.200	22.575	49.665.000
46	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Nhóm 2	Test	2.500	13.650	34.125.000
Tổng dự toán						4.159.224.493

Ghi chú: Giá dự toán là giá tạm tính; Sở Y tế, Bệnh viện Nội tiết chịu trách nhiệm về tính chính xác của giá dự toán trong hồ sơ trình.